

TÙ TÁC ĐỘNG CỦA KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH THẾ GIỚI VÀ SUY THOÁI TOÀN CẦU - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2010



TRƯƠNG ĐÌNH TUYỂN
Nguyên Bộ trưởng Bộ Thương mại

1. Điểm lại diễn biến của khủng hoảng tài chính thế giới

1.1 Sự phát triển của khủng hoảng tài chính thế giới

Ngày 15/9 năm 2008 đánh dấu mốc cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, chưa từng có trong vòng 80 năm trở lại đây, sau cuộc đại khủng hoảng 1929-1933. Thực ra, khủng hoảng đã xảy ra trước đó, từ mùa hè năm 2007, nhưng vào ngày này, ngân hàng Lehman Brothers tuyên bố phá sản, làm rung chuyển hệ thống tài chính thế giới. Nhiều ngân hàng của Mỹ, châu Âu bị vỡ nợ và có nguy cơ phá sản nếu không được sáp nhập, mua lại hoặc các Ngân hàng Trung ương cho vay để hỗ trợ thanh khoản: Bear Stearns, Merrill Lynch, City Group, Morgan Stanley, hay tập đoàn bảo hiểm AIG v.v.. Thị trường chứng khoán New York và hàng loạt thị trường chứng khoán ở châu Âu, châu Á chao đảo. Kể từ mùa hè năm 2007 khoảng 35.000 tỷ USD vốn liếng của loài người đã bị thiêu rụi. Đến nay các nước đã phối hợp hành động để giải cứu kinh tế thế giới. Chưa bao giờ, chỉ trong vòng 10 tháng, các vị nguyên thủ các nước G20, nơi tập hợp những nền kinh tế lớn nhất thế giới và các nền kinh tế mới nổi đã họp 3 lần để bàn giải pháp đưa nền kinh tế thoát ra khỏi khủng hoảng. G20 thực sự đã thay thế G8 để hoạch định chính sách phát triển kinh tế toàn cầu. Tính đến nay các nước đã phải bỏ ra hơn 15.000 tỷ USD để giải cứu kinh tế.

1.2 Nguyên nhân của khủng hoảng tài chính

Có nhiều đánh giá khác nhau về nguyên nhân khủng hoảng. Powell, nguyên Bộ trưởng ngoại giao Mỹ (nhiệm kỳ đầu thời Bush con) cho rằng khủng hoảng là do sự phát triển không cân bằng của 2 nền kinh tế lớn là Mỹ và Trung Quốc. Mỹ tiêu dùng nhiều, tích lũy ít. Trung Quốc - ngược lại, tiêu dùng ít, tích lũy nhiều (hiện Trung Quốc có dự trữ ngoại tệ hơn 2.000 tỷ USD và là chủ nợ lớn nhất của Mỹ, Mỹ là con nợ lớn nhất của Trung Quốc).

Một số học giả Trung Quốc cho rằng khủng hoảng bắt đầu từ nền kinh tế thực (bong bóng nhà đất) tác động đến nền kinh tế tiền tệ rồi tác động trở lại nền kinh tế thực. Xét theo chiều vận động của khủng hoảng thì nhận định này không phải là không có lý. Cuộc khủng hoảng bắt đầu từ sự sụp đổ của thị trường nhà đất Mỹ (khủng hoảng của nền kinh tế thực) kéo theo sự sụp đổ của hệ thống ngân hàng (khủng hoảng thị trường tài chính).

Tuy nhiên, đa số các học giả cho rằng khủng hoảng bắt đầu từ thị trường tài chính tác động đến các ngành sản xuất (tức tác động đến nền kinh tế thực). Nguyên nhân là ở chỗ: lãi suất tín dụng thấp, người Mỹ đổ xô vay tiền mua nhà, thị trường đầu tư và kinh doanh nhà đất nóng lên. Các tổ chức cho vay chia các khoản thế chấp thành các gói nhỏ và bán chúng trên thị trường

chứng khoán. Các nhà đầu tư hy vọng rằng giá nhà đất tiếp tục tăng cao nên “ôm” các khoản thế chấp này với hy vọng sẽ bán lại được với giá cao để hốt bạc. Khi lạm phát tăng, lãi suất tín dụng tăng, người mua nhà không trả được nợ, giá nhà đất sụt giảm, tài sản thế chấp mất giá, đẩy ngân hàng vào tình cảnh vỡ nợ. Do toàn cầu hoá gắn liền với tự do hoá tài khoản vốn và sự phát triển của các sản phẩm phái sinh làm quy mô thị trường tài chính tăng nhanh mà không được kiểm soát nên cuộc khủng hoảng không chỉ làm cho thị trường tài chính Mỹ sụp đổ mà còn làm rung chuyển thị trường tài chính toàn cầu. Vào những năm 80 của thế kỷ 20, quy mô của thị trường tiền tệ bằng quy mô của nền kinh tế thực. Đến thập niên 90, thị trường tiền tệ đã tách ra khỏi thị trường hàng hoá và trở thành một lĩnh vực độc lập có tốc độ phát triển rất nhanh với nhiều sản phẩm mới xuất hiện. Vào năm 2007, quy mô thị trường tài chính đã lớn gấp hơn 4 lần GDP toàn cầu và lên đến khoảng 230.000 tỷ USD. Thị trường tài chính phát triển nhanh nhưng lại không được kiểm soát và quản lý tốt, thiếu những biện pháp thận trọng để bảo đảm an toàn. Do vậy, khủng hoảng thị trường tài chính đã tác động đến các ngành sản xuất, làm kinh tế toàn cầu rơi vào cơn suy thoái nghiêm trọng.

Một số nhà kinh tế học Mác-xít lại coi đây là cuộc khủng hoảng mang tính chu kỳ của chủ nghĩa tư bản.

Người viết bài này cho rằng, cuộc khủng hoảng nêu trên đã vượt ra khỏi tính chất của một cuộc khủng hoảng chu kỳ. Nói một cách lược quy, khủng hoảng do ba nguyên nhân: (1) các chính phủ buông lỏng, (2) các tổ chức tài chính tham lam, và (3) các định chế quản lý thị trường bất cần, không tương thích với tiến trình toàn cầu hoá ngày càng sâu rộng, các mối liên kết kinh tế ngày càng phức tạp và tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế ngày càng tăng.

1.3 Tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới

Khủng hoảng tác động mạnh đến tăng trưởng. Do tình hình biến động rất nhanh, phức tạp và khó lường, cùng với các gói kích thích kinh tế mà chính phủ các nước đưa ra nhằm giải cứu nền kinh tế và hiệu quả của các gói kích thích đó, các chuyên gia thường xuyên điều chỉnh các số liệu dự báo. Theo IMF công bố vào đầu tháng 10 năm 2009, GDP thế giới tăng trưởng âm 1,1%, trong

đó các nền kinh tế phát triển âm 3,4%. Thương mại toàn cầu năm 2009 giảm 11,9% so với năm 2008, trong đó thương mại hàng hoá giảm 13%, nhập khẩu của các nền kinh tế phát triển (là thị trường xuất khẩu chính của VN) giảm xấp xỉ 15%.

1.4 Triển vọng

Cho đến thời điểm này, các nhà nghiên cứu đều có chung nhận định: Khủng hoảng tài chính thế giới đã đến đáy, tốc độ suy giảm đã thấp dần, một số nền kinh tế đã có tăng trưởng dương nhưng mức độ là khác nhau. Châu Á, đặc biệt là Trung Quốc, Hàn Quốc phục hồi nhanh nhất. Nhờ gói kích thích kinh tế xấp xỉ 600 tỷ USD, GDP quý II năm 2009 của Trung Quốc đã tăng 7,9%, quý III còn tăng trưởng cao hơn, dự báo cả năm 2009 khoảng 8,5% và năm 2010 sẽ đạt 10%. Hàn Quốc cũng có sự phục hồi nhanh. Nhật, quý II và quý III năm 2009 đã có mức tăng trưởng dương sau khi tăng trưởng âm 3,8% trong quý I nhưng đồng yên vẫn lên giá so với đồng USD và tình trạng giảm phát mạnh làm cho triển vọng phục hồi còn rất mong manh, các tín hiệu tốt xấu còn lẫn lộn. Ở châu Âu, Đức và Pháp có chuyển động tích cực hơn cả, Anh vẫn còn khó khăn. Mỹ, tuy kinh tế đã chạm đáy và quý III năm 2009 đã có mức tăng trưởng được điều chỉnh là 2,8%, mức tốt nhất trong hai năm qua nhưng tỷ lệ thất nghiệp vẫn cao. Tỷ lệ này trong tháng 8 năm 2009 đã lên tới 9,7%, tháng 10 là 10,2%, tháng 11 tuy đã giảm xuống còn 10% nhưng vẫn là mức rất cao. Nhiều chuyên gia tiên đoán tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ còn ở mức cao trước khi xuống lại (dự đoán vào khoảng nửa đầu năm 2010). Một số ngân hàng và công ty đã có lãi và có khả năng trả nợ nhưng chủ yếu là do giảm công nhân; nhiều ngân hàng vẫn khó khăn. Trong khi đó, thâm hụt ngân sách và nợ chính phủ ngày càng lớn, lần đầu tiên trong lịch sử đã vượt con số 12.000 tỷ USD. Chỉ số lòng tin kinh doanh toàn cầu tháng 11 giảm mạnh. Chính vì vậy, mới đây Tổng thống Mỹ Obama đã phải tiếp tục duy trì gói kích thích kinh tế và FED vẫn giữ mức lãi suất thấp. Cũng theo IMF (tháng 10/2009) GDP toàn cầu năm 2010 tăng 3,1%, trong đó các nền kinh tế phát triển tăng 1,3%, các nước mới nổi và đang phát triển tăng 5,1%. Thương mại hàng hoá thế giới tăng 2,7% trong khi đó nhu cầu nhập khẩu của các nước phát triển chỉ tăng 1,5%.

2. Tác động của khủng hoảng tài chính thế giới đến kinh tế VN

Do mức độ tự do hoá tài chính chưa cao, hệ thống tài chính của nước ta không chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự phá sản của một số ngân hàng Âu, Mỹ. Nhưng, nền kinh tế VN có độ mở lớn, tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào các yếu tố bên ngoài nên khủng hoảng tác động mạnh đến nền kinh tế nước ta và làm giảm tăng trưởng, đe dọa ổn định kinh tế vĩ mô. Đầu tư nước ngoài sụt giảm: 11 tháng năm 2009, vốn đăng ký đạt 14,66 tỷ USD, chỉ bằng 22,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu bị giảm mạnh: 11 tháng năm 2009, kim ngạch ước đạt 51 tỷ, giảm 11,6% so với cùng kỳ 2008. Tuy mức độ có khác nhau do cơ cấu hàng hóa xuất khẩu vào từng thị trường là khác nhau nhưng sự sụt giảm xảy ra ở hầu hết các thị trường: châu Á giảm 18,7%, làm thị phần của châu Á trong tổng kim ngạch xuất khẩu của VN chỉ còn 38,8% so với mức 44,7% cùng kỳ 2008. Trong đó, ASEAN giảm 11,8% thị phần, còn 15,9% so với 16,8%; Nhật giảm 37,4%, thị phần còn 9,6% so với 14,3%; Hàn Quốc giảm 11,3%; EU giảm 11,4%, đưa thị phần của EU xuống còn 15,2% so với mức 16% cùng kỳ năm 2008. Trung Quốc và Mỹ giảm ít nhất: Trung Quốc giảm 9,75%, Mỹ giảm 6,2%, tỷ trọng thị phần của Mỹ là 18% so với 17,9% cùng kỳ 2008. Như vậy, Mỹ, ASEAN, EU, Nhật vẫn là 4 thị trường xuất khẩu lớn của VN và vị trí của các thị trường này không thay đổi trong năm 2009. Các nguồn thu ngoại tệ khác: du lịch, đầu tư gián tiếp, kiều hối đều sụt giảm so với năm 2008.

Do xuất khẩu và đầu tư giảm, GDP năm 2009 dự kiến tăng 5,2% so với 2008. Đây là mức tăng cao so với các nước trong khu vực nhưng thấp hơn nhiều so với mức trung bình của nhiều năm trước đó. Điều đáng quan tâm là lần đầu tiên cán cân thanh toán tổng thể của nền kinh tế, tính riêng cho năm 2009 đã bị thâm hụt, dù dự trữ ngoại tệ của đất nước vẫn ở mức cao so với những năm trước đây.

3. Những vấn đề đặt ra sau khủng hoảng tài chính thế giới

Chúng ta đang sống trong một thời đại với ba xu thế lớn, chi phối sự phát triển của mỗi quốc gia, đó là: (1) sự phát triển rất mạnh của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới.

Đây là yếu tố năng động nhất, tạo ra một khối lượng của cải vật chất khổng lồ; (2) toàn cầu hoá kinh tế và tự do hoá thương mại, dịch vụ và đầu tư phát triển rất nhanh cả về quy mô và hình thức biểu hiện; và (3) hoà bình và hợp tác vẫn là xu thế lớn, nhưng xung đột khu vực, tranh giành ảnh hưởng và quyền lực, tranh chấp lãnh thổ đặc biệt là biển đảo, giành giật tài nguyên đang đe dọa sự phát triển và ổn định toàn cầu. Thực ra, ba xu thế này đã hình thành và phát triển mạnh mẽ từ thập niên cuối của thế kỷ 20, ảnh hưởng lẫn nhau và tích hợp tác động với những cơ hội và thách thức đan xen nhau rất phức tạp, tính bất định và rủi ro tăng lên. Các xu thế này hình thành nên hệ toạ độ phát triển của thời đại và mỗi quốc gia phải xác định cho mình một vị thế trong hệ toạ độ đó.

Sau khủng hoảng tài chính thế giới và suy thoái kinh tế toàn cầu, trước những thảm hoạ thiên nhiên do chính con người tạo ra, các xu thế này có những biểu hiện mới, mà đặc điểm nổi bật nhất là:

Thực thứ nhất, quá trình tái cấu trúc kinh tế sẽ diễn ra mạnh mẽ ở nhiều nước trên thế giới gắn với việc phát triển các vật liệu và các dạng năng lượng mới đi đôi với áp dụng các công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, phát triển kinh tế xanh nhằm đối phó với nạn cạn kiệt các nguồn tài nguyên không tái tạo được và sự biến đổi của khí hậu toàn cầu.

Thực thứ hai, cải cách thể chế quá trình toàn cầu hoá, đặc biệt là thể chế quản lý thị trường tài chính nhằm ngăn chặn nguy cơ khủng hoảng do quá trình toàn cầu hoá không được quản lý và kiểm soát tốt. Mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường sẽ được điều chỉnh lại theo yêu cầu tăng cường vai trò quản lý vĩ mô và chức năng phát triển của nhà nước. Một số nước có sự điều chỉnh mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, chủ nghĩa bảo hộ có xu hướng tăng lên.

Thực thứ ba, hình thành các liên kết mới nhằm đối phó với những nguy cơ đe dọa đời sống nhân loại như phát triển vũ khí hạt nhân không được kiểm soát, khủng bố quốc tế, biến đổi khí hậu và nước biển dâng, dịch bệnh và ô nhiễm xuyên biên giới, khủng hoảng v.v.. Đặc điểm nổi bật trong sự vận động theo trục này là sự chuyển giao quyền lực từ Mỹ sang châu Á với sự mạnh lên của Trung Quốc và Ấn Độ; thế giới đang chuyển từ đơn cực sang đa cực, thiết lập diễn đàn đối thoại chiến lược Mỹ - Trung (một số nhà

ngiên cứu đã nói đến liên kết G2). Sự mạnh lên của Trung Quốc sẽ làm thay đổi bản đồ địa-chính trị, tương quan sức mạnh và cục diện phát triển toàn cầu. VN sẽ chịu tác động lớn nhất của yếu tố này với cả cơ hội và thách thức đan xen nhau rất phức tạp.

4. Đánh giá tổng quát sự phát triển kinh tế của VN từ 2001 đến nay

Từ năm 2001 đến năm 2009 là thời kỳ thực hiện chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010 với những đặc điểm lớn sau đây:

- **Một là**, Luật doanh nghiệp được Quốc hội thông qua năm 2000, bắt đầu có hiệu lực từ năm 2001, tạo một đột phá trong phát triển khu vực tư nhân, động lực quan trọng của tăng trưởng.

- **Hai là**, thực hiện Hiệp định mậu dịch tự do ASEAN và các Hiệp định mậu dịch tự do ASEAN+, gia nhập WTO, dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế với những cơ hội to lớn và những thách thức gay gắt. Cơ hội rõ nhất là thu hút đầu tư và mở rộng thị trường xuất khẩu, thách thức lớn nhất là cạnh tranh diễn ra rất quyết liệt trên cả ba cấp độ. Với việc gia nhập WTO, nước ta đã phải điều chỉnh hệ thống pháp luật cho phù hợp với “luật chơi” của tổ chức này theo nguyên tắc thị trường và không phân biệt đối xử. Chúng ta đã ban hành luật doanh nghiệp chung, luật đầu tư chung v.v.. Tất cả những yếu tố này tạo ra môi trường mới. Sức mạnh kinh tế quốc gia đang được đo trong môi trường đó.

- **Ba là**, chịu tác động tiêu cực của các cuộc khủng hoảng tài chính thế giới. Đầu tiên là dư chấn của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1999 mà hậu quả là đến năm 2004, kinh tế VN

mới đạt đến mức tăng trưởng của thời kỳ 5 năm trước; từ năm 2008 đến nay là cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và suy thoái kinh tế toàn cầu. Cuộc khủng hoảng này cũng là “phép đo” khả năng chống chịu của nền kinh tế nước ta trước những cú sốc từ bên ngoài.

Nhìn tổng quát, sau gần 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001-2010, đến nay tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta khá cao, bình quân đạt khoảng 7,3% /năm, tổng sản phẩm trong nước theo giá so sánh năm 2008 bằng 1,79 lần năm 2000 (dự kiến năm 2010 gấp 2 lần). Năm 2008 GDP của nước ta đạt 90,7 tỷ USD, bình quân đầu người đạt 1.047 USD (năm 2010 dự kiến đạt 100 tỷ USD, bình quân đầu người đạt khoảng 1220 USD), VN đã ra khỏi nhóm nước đang phát triển có thu nhập thấp. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực. Nông nghiệp chiếm tỷ trọng 23,2% năm 2001 xuống còn 21,7% năm 2009; công nghiệp, xây dựng từ 38,1% lên 40%; dịch vụ phát triển cả về quy mô, ngành nghề và thị trường, tăng trưởng khá ổn định và 5 năm gần đây đã có mức tăng cao hơn mức tăng các ngành sản xuất. Kim ngạch xuất khẩu năm 2000 đạt 14 tỷ 482,7 triệu USD; năm 2008 đạt 62 tỷ 685 triệu USD, bằng 4,3 lần năm 2000. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng cao, bằng khoảng 41% GDP, trong đó vốn trong nước khoảng 70%, vốn nước ngoài 30%. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, bội chi ngân sách và nợ quốc gia trong giới hạn an toàn.

Mặc dầu đạt được những thành tựu nêu trên, song kinh tế VN vẫn bộc lộ những khuyết tật và yếu kém, cụ thể là:

- Tăng trưởng kinh tế phụ thuộc quá nhiều vào các yếu tố bên ngoài (vốn đầu tư, thị trường tiêu



thụ). Đóng góp của khu vực FDI trong GDP tăng từ 13,8% năm 2000 lên 18,68% năm 2008, giá trị sản xuất công nghiệp từ 21% lên khoảng 40% (6 tháng đầu năm 2009), xuất khẩu từ 47% lên 55,5%. Tổng kim ngạch xuất khẩu xấp xỉ 160% GDP, trong đó xuất khẩu xấp xỉ 70%, nhập khẩu 90%.

- Năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm và của nền kinh tế kém. Tăng trưởng chủ yếu dựa vào các yếu tố đầu vào (do tăng vốn và khai thác tài nguyên để xuất khẩu), hệ số ICOR ngày càng cao, đóng góp của các yếu tố năng suất tổng hợp vào tăng trưởng còn ít, nhập siêu ngày càng tăng, năng suất lao động xã hội thấp, các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc. VN không chỉ đối mặt với nguy cơ rơi vào bẫy của các nước phát triển trung bình mà còn tụt hậu rất xa so với các nước trong khu vực, mặc dầu các nước này vẫn chưa thoát ra khỏi cái bẫy thu nhập trung bình (thu nhập bình quân đầu người năm 2007 của VN chỉ bằng 42% của Indonesia, 33% của Trung Quốc, 20% của Thái Lan, 11% của Malaysia)

5. Những vấn đề đặt ra đối với kinh tế VN trong năm 2010

Thứ nhất, nâng cao chất lượng ổn định kinh tế vĩ mô, trên cơ sở nâng cao hiệu quả của việc sử dụng các công cụ điều tiết và khả năng phản ứng chính sách.

Ổn định vĩ mô là tiền đề quyết định cho hoạt động sản xuất kinh doanh và ổn định xã hội. Những khó khăn thách thức mà chúng ta phải đương đầu trong hai năm qua bắt đầu từ bên ngoài nhưng cũng có nguyên nhân từ quản lý vĩ mô còn bất cập. Lạm phát cao năm 2007 - 2008 là do giá thị trường thế giới tăng mạnh dẫn đến tình trạng “nhập khẩu” lạm phát ở nước ta nhưng nếu chúng ta sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ tốt hơn, khống chế tổng phương tiện thanh toán (M2) và tổng dư nợ tín dụng trong năm 2007 hợp lý hơn thì lạm phát sẽ được giảm thiểu. Đầu năm 2008, khi lạm phát đã tăng ở mức rất cao, nếu chúng ta kết hợp tốt chính sách tài khoá với chính sách tiền tệ một cách hợp lý sẽ không dẫn đến tình trạng rối loạn thanh khoản trong hệ thống ngân hàng những tháng đầu năm. Những biến động tỷ giá những tháng cuối năm 2009 nếu được xử lý sớm thì hiệu quả cao hơn và chi phí thấp hơn.

Nguy cơ lạm phát cao trong năm 2010 không chỉ đến từ sự tăng giá của thị trường thế giới mà

còn có thể đến từ những bất ổn vĩ mô ở trong nước, nếu phản ứng chính sách không hợp lý. (Hiện tại, trên thị trường thế giới, ngoài giá dầu mỏ đang nhích lên nhưng không phải do nhu cầu tăng mạnh mà do đồng USD bị yếu đi trong ngắn hạn; giá lương thực đang tăng và có thể còn tăng hơn nữa, nhưng đây là mặt hàng VN có thừa lực lượng và có khả năng khống chế được - các mặt hàng khác nhu cầu vẫn chưa có gì đột biến). Vì vậy, ngoài việc phải theo sát các diễn biến trên thị trường thế giới, phải nâng cao chất lượng ổn định kinh tế vĩ mô.

Nguyên tắc cơ bản của điều hành vĩ mô là phải tôn trọng các quy luật của kinh tế thị trường. Đồng thời, coi trọng vai trò điều tiết và chức năng phát triển của Nhà nước, nhất là một nước đang trong quá trình chuyển đổi như nước ta. Nhà nước điều tiết và can thiệp vào thị trường là để các quy luật của thị trường vận hành theo đúng mục tiêu, không đi trệch đường ray của thị trường. Khi sử dụng các công cụ điều tiết phải đặt trong mối quan hệ giữa chính sách tài khoá với chính sách tiền tệ và giữa các công cụ của chính sách tiền tệ. Điều này đặc biệt quan trọng khi mà trong năm 2010, không gian lựa chọn chính sách, nhất là chính sách tiền tệ trở nên hạn hẹp hơn. Cần hết sức chú ý đến mức độ và thời gian điều chỉnh. Mức điều chỉnh hợp lý, thời gian điều chỉnh đúng thì hiệu quả cao, chi phí thấp.

Thứ hai, tiến hành tái cấu trúc nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Quá trình tái cấu trúc không chỉ liên quan đến chu kỳ kinh tế mà còn gắn với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và môi trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Gần đây, vấn đề tái cấu trúc kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng được nói nhiều trong các diễn đàn kinh tế và các phương tiện thông tin. Vậy, tái cấu trúc kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng là hai hay là một? Tái cấu trúc kinh tế không trùng khít với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, dù chuyển đổi mô hình tăng trưởng là vấn đề cốt lõi của tái cấu trúc kinh tế nhưng tái cấu trúc kinh tế có nội dung rộng hơn.

Để tái cấu trúc nền kinh tế cần tạo lập các tiền đề và điều kiện. Những tiền đề và điều kiện đó là:

+ Công khai minh bạch các cơ chế, chính sách quản lý kinh tế xã hội, đồng thời phải đấu tranh chống tham nhũng một cách kiên quyết, bởi

không thể có tăng trưởng bền vững nếu không chống tham nhũng. Tham nhũng không chỉ là một phạm trù đạo đức mà còn được xem xét như là một phạm trù tăng trưởng.

+ Hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường, phát triển mạnh thị trường công nghệ; tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, xóa bỏ độc quyền, kiểm soát độc quyền tự nhiên. Thực hiện điều này sẽ buộc các doanh nghiệp phải phát huy lợi thế so sánh riêng có và luôn tìm cách tạo ra lợi thế so sánh mới để nâng cao khả năng cạnh tranh.

+ Phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao cả về chuyên môn và ngoại ngữ, coi đây là lợi thế cạnh tranh dài hạn, là yêu cầu bất biến trong một thế giới toàn cầu hoá và biến đổi không ngừng.

+ Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông, hạ tầng đô thị nhằm giúp giảm chi phí vận tải, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước.

Những tiền đề và điều kiện này đã từng bước hình thành, phải tiếp tục bổ sung và hoàn thiện.

Từ việc xem xét thực trạng và xác định các tiền đề, điều kiện, phải làm rõ các nội dung của tái cấu trúc, các định hướng lớn bao gồm:

+ Tái cấu trúc doanh nghiệp theo hướng phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân, sắp xếp lại và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước. Và điều quan trọng là tái cấu trúc trong từng doanh nghiệp, theo một mô hình tổ chức kinh doanh và quản lý mới, bảo đảm có thể áp dụng và phát huy hiệu quả của thiết bị công nghệ và những thay đổi của sức sản xuất và thị trường.

+ Tái cấu trúc các ngành sản xuất, chuyển từ nền công nghiệp gia công, lắp ráp với giá trị gia tăng thấp, sang sản xuất các sản phẩm có hàm lượng nội địa và giá trị gia tăng cao, có lợi nhuận lớn trong chuỗi giá trị toàn cầu trên cơ sở ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và trình độ quản lý hiện đại (TFP). Đây chính là nội dung chuyển đổi mô hình tăng trưởng, từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu dựa vào các nhân tố năng suất tổng hợp. Cần thấy rằng thực hiện hai nội dung tái cấu trúc trên đây là nhằm tăng giá trị nội địa và xây dựng lực lượng doanh nghiệp dân tộc - yêu cầu quan trọng trong việc tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

+ Tái cấu trúc khu vực ngân hàng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, và bảo đảm an toàn hệ thống.

+ Tăng nhanh tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế. Sự phát triển mạnh của khoa học và công nghệ và toàn cầu hoá kinh tế làm cho quá trình phân công lao động xã hội ngày càng sâu sắc và do đó các quan hệ kinh tế, các mối liên kết ngày càng phức tạp, nhu cầu của sản xuất và đời sống ngày càng đa dạng. Điều đó, đặt ra yêu cầu và khả năng phát triển nhanh các ngành công nghiệp và dịch vụ. Một trong những hướng chính trong phát triển công nghiệp là phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ theo cụm nhóm sản phẩm, có tính liên kết cao, lấy công nghiệp chế tạo làm trung tâm. Trong những năm gần đây, khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao và khá ổn định. Riêng năm 2009, tốc độ tăng trưởng trong ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp. Điều này tạo ra thị trường cho dịch vụ phát triển.

+ Điều chỉnh chiến lược phát triển thị trường. Theo đó, tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu theo phương châm đa phương hoá, đa dạng hoá, chú ý khai thác các thị trường có Hiệp định mậu dịch tự do mà VN là thành viên (ASEAN, ASEAN+), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện VN - Nhật Bản (EPA). Đồng thời quan tâm hơn đến khai thác thị trường nội địa, một thị trường gần 87 triệu người, doanh số bán lẻ và tiêu dùng dịch vụ năm 2009 dự kiến xấp xỉ 65 tỷ USD, và đang tăng với mức trên 10%, cao hơn mức tăng GDP.

Để thực hiện quá trình tái cấu trúc theo các định hướng trên đây, các doanh nghiệp có vai trò quyết định. Doanh nghiệp là chủ thể của quá trình tái cấu trúc và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Nhà nước chỉ tạo tiền đề và điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện quá trình này.

Tái cấu trúc là một quá trình được thực hiện trong nhiều năm, gắn với quá trình tích lũy tư bản và tích lũy năng lực, vừa tiệm tiến, vừa đi tắt đón đầu ở những lĩnh vực mà khoa học công nghệ phát triển nhanh và chúng ta có điều kiện, trong đó, nhân vật trung tâm của các yếu tố năng suất tổng hợp là con người. Vì chính con người sáng tạo và sử dụng công nghệ, con người quản lý. Vì vậy, phải phát triển nhanh nguồn nhân lực trong từng doanh nghiệp cũng như trong toàn xã hội ■